

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THU NHẬP CỦA NÔNG HỘ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN BA VÌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Lê Đình Hải

Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp

TÓM TẮT

Việc nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đáng kể đến thu nhập hỗn hợp của các nông hộ trên địa bàn huyện Ba Vì, TP. Hà Nội là rất cấp thiết bởi vì nó là cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao thu nhập cho nông hộ trên địa bàn nghiên cứu. Để đạt mục tiêu nghiên cứu, trong nghiên cứu này, chúng tôi tiến hành khảo sát trực tiếp 60 hộ nông dân trên địa bàn huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Kết quả phân tích mô hình hồi quy tuyến tính đa biến đã chỉ ra được 3 nhân tố có ảnh hưởng một cách đáng kể đến thu nhập hỗn hợp của nông hộ trên địa bàn nghiên cứu, bao gồm: (1) Qui mô vốn vay, (2) Diện tích đất của nông hộ, (3) Áp dụng kỹ thuật vào sản xuất. Kết quả nghiên cứu có thể làm cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp góp phần nâng cao thu nhập hỗn hợp cho các nông hộ trên địa bàn huyện Ba Vì, TP. Hà Nội, bao gồm: (1) Tạo vốn cho hộ nông dân; (2) Giải quyết và điều chỉnh quan hệ ruộng đất; (3) Tăng cường công tác khuyến nông và tập huấn kỹ thuật cho hộ nông dân.

Từ khóa: Hồi qui đa biến, nhân tố ảnh hưởng, nông hộ, thu nhập hỗn hợp.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Kinh tế nông nghiệp hiện đang đóng vai trò vô cùng quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Việt Nam vẫn là một nước nông nghiệp, nông dân chiếm gần 75% dân số và gần 61% lao động xã hội, hàng năm ngành nông nghiệp đóng góp gần 20% GDP cho nền kinh tế quốc dân và trên 25% giá trị kim ngạch xuất khẩu. Cùng với sự phát triển kinh tế xã hội nói chung, kinh tế nông hộ cũng không ngừng phát triển cả về quy mô và hình thức. Có không ít những nhóm nông dân đã làm giàu lên từ chính mảnh đất của mình, họ sử dụng có hiệu quả đất đai, lao động, tiền vốn và đã vươn lên làm giàu.

Ngày nay nhiều hộ nông dân đã chuyển đổi nền kinh tế từ quy mô nhỏ thành quy mô lớn, sản xuất tự túc tự cấp sang nền kinh tế hàng hóa, có thể trao đổi hàng hóa trên thị trường.

Mặc dù vậy, trong sản xuất nông nghiệp, kinh tế nông hộ vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế: phần lớn các nông hộ còn sản xuất nhỏ lẻ, tự cấp, tự túc và kém hiệu quả, đời sống nông dân gặp rất nhiều khó khăn... Vì thế nông hộ và cộng đồng nông thôn đang rất cần sự hỗ trợ kịp thời của chính phủ cũng như các nhà khoa học

nghiên cứu, đề xuất các giải pháp thích hợp nhằm phát triển sản xuất và nâng cao đời sống cho bộ phận dân cư nông thôn.

Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội là cửa ngõ của Thủ đô Hà Nội, cách Hà Nội 40 km, ngành nghề chính vẫn là nông nghiệp, trình độ sản xuất còn thấp, việc phát triển kinh tế nông nghiệp nông thôn vẫn gặp rất nhiều khó khăn, việc khai thác và sử dụng nguồn lực của hộ nông dân vào sản xuất vẫn chưa tốt. Trong những năm qua, cùng với sự phát triển chung của cả nước, do quá trình đô thị hoá và công nghiệp hoá làm cho diện tích đất nông nghiệp ngày càng bị thu hẹp, nông hộ bị mất tư liệu sản xuất, tình trạng lao động nông nghiệp dư thừa và thất nghiệp trong nông thôn ngày càng gia tăng, nông hộ đang trần trở tìm kiếm sinh kế mới, ảnh hưởng trực tiếp tới định hướng phát triển và thu nhập của nông hộ.

Vấn đề phát triển kinh tế hộ nông dân, tăng thu nhập cho nông hộ trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế đang được các cấp ủy Đảng, chính quyền đoàn thể, các ngành và các nhà khoa học quan tâm. Những vấn đề cần làm rõ là thực trạng thu nhập của nông hộ trên địa bàn huyện Ba Vì ra sao? Những nhân tố nào ảnh

hưởng đến thu nhập của nông hộ? Và những giải pháp nào là giải pháp quan trọng nhất góp phần nâng cao thu nhập cho nông hộ trên địa bàn nghiên cứu? Vì vậy, việc nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ mang tính cấp thiết rất cao.

II. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Nội dung nghiên cứu

Bài viết đánh giá được thực trạng thu nhập hỗn hợp của nông hộ trên địa bàn huyện Ba Vì, TP. Hà Nội; Đồng thời xác định các nhân tố ảnh hưởng đáng kể đến thu nhập hỗn hợp của các nông hộ; Trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao thu nhập hỗn hợp của nông hộ trên địa bàn nghiên cứu.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Thu nhập của nông hộ và các nhân tố ảnh hưởng

a. Thu nhập của nông hộ

Nhiều nhà nghiên cứu kinh tế ở Việt Nam đã sử dụng chỉ tiêu thu nhập hỗn hợp để đánh giá thu nhập của nông hộ. Theo đó, thu nhập hỗn hợp của nông hộ là phần thu được sau khi lấy tổng thu trừ đi chi phí vật chất, trừ đi tiền công thuê ngoài và trừ chi phí khác (bao gồm thuế, khấu hao tài sản cố định...). Vận dụng các quan điểm này, thu nhập của nông hộ ở địa bàn nghiên cứu được xác định là phần thu còn lại của tổng thu sau khi trừ đi chi phí vật chất và dịch vụ, khấu hao và thuế để có được khoản thu đó trong một thời gian nhất định (thường là một năm), bao gồm:

- Thu từ tiền công, tiền lương;
- Thu từ sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản (đã trừ chi phí sản xuất và thuế sản xuất);
- Thu từ sản xuất ngành nghề phi nông, lâm nghiệp, thủy sản (đã trừ chi phí sản xuất và thuế sản xuất);
- Thu khác được tính vào thu nhập (không

tính tiền rút tiết kiệm, bán tài sản, vay thuận tụy, thu nợ, và các khoản chuyển nhượng vốn nhận được).

b. Các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ

Theo các nghiên cứu của Abdulai & CroleRees (2001), Demurger và cộng sự, (2010), Janvry & Sadoulet (2001), Klasen và cộng sự (2013), Yang (2004), Yu & Zhu (2013), thu nhập của nông hộ chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố, bao gồm vốn, đất đai, trình độ học vấn, kinh nghiệm sản xuất, số lao động, khả năng đa dạng hóa thu nhập, cơ hội tiếp cận thị trường.

Các nghiên cứu ở trong nước cũng cho kết quả tương tự. Kết quả nghiên cứu của Nguyễn Lan Duyên (2014) cho thấy các yếu tố như trình độ học vấn, diện tích đất, thời gian cư trú tại địa phương, khoảng cách từ nơi ở đến trung tâm, lượng vốn vay, lãi suất và số lao động có ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ ở An Giang; Kết quả nghiên cứu của Chu Thị Kim Loan & Nguyễn Văn Hương (2015) cũng chỉ ra rằng các nguồn lực của nông hộ như qui mô đất sản xuất, số lượng và trình độ học vấn của lao động, giá trị phương tiện sản xuất tỷ lệ thuận với thu nhập của hộ, trong đó qui mô đất sản xuất có ảnh hưởng lớn nhất. Ngoài ra, khả năng tiếp cận nguồn vốn vay, giới tính của chủ hộ và vị trí địa lý cũng có tác động tới thu nhập của nông hộ ở tỉnh Thanh Hóa.

Như vậy, dựa trên cơ sở lý luận và thực tiễn của các công trình nghiên cứu trước đây và điều kiện đặc thù của huyện Ba Vì, TP. Hà Nội có thể nhận diện các nhân tố tiềm năng ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ trên địa bàn nghiên cứu bao gồm 8 nhân tố tiềm năng (bảng 1). Mô hình hồi quy cho các biến được xác định như sau:

$$THUNHAP = \beta_0 + \beta_1 TUOI + \beta_2 GIOITINH + \beta_3 HOCVAN + \beta_4 NGHECHUHO + \beta_5 DTDAT + \beta_6 VAYVON + \beta_7 THITRUONG + \beta_8 KYTHUAT \quad (1)$$

Bảng 1. Diễn giải các biến trong mô hình hồi qui tuyến tính đa biến

Ký hiệu	Nội dung	Đơn vị tính	Kỳ vọng dấu
TUOI	Tuổi của chủ hộ	Năm	+
GIOITINH	Giới tính của chủ hộ	Nhận giá trị 1 nếu chủ hộ là Nam, nhận giá trị 0 nếu chủ hộ là Nữ	+
HOCVAN	Số năm đi học cao nhất của chủ hộ	Nhận giá trị 1,2,3 trình độ học vấn của chủ hộ lần lượt là tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông	+
NGHECHUHO	Nghề của chủ hộ	Nhận giá trị 0 là nông nghiệp; nhận giá trị 1 là nông nghiệp kết hợp với nghề	+
DTDAT	Diện tích đất của hộ	Ha	+
VAYVON	Qui mô vay vốn của hộ	Nhận giá trị 1 nếu được vay dưới 50 triệu; nhận giá trị 2 nếu vay từ 50 đến 100 triệu; nhận giá trị 3 nếu vay trên 100 triệu	+
THITRUONG	Khoảng cách đến thị trường tiêu thụ sản phẩm	km	-
KYTHUAT	Áp dụng kỹ thuật vào sản xuất	Nhận giá trị 0 nếu chủ hộ là không áp dụng kỹ thuật vào sản xuất và nhận giá trị 1 nếu chủ hộ là có áp dụng	+
THUNHAP	Biến phụ thuộc thể hiện thu nhập hỗn hợp của nông hộ	Triệu đồng/năm/hộ	

2.2.1. Phương pháp chọn mẫu nghiên cứu

Ba Vì là một huyện thuộc vùng bán sơn địa, nằm ở phía Tây Bắc của Thủ đô Hà Nội. Diện tích tự nhiên 428 km². Dân số 269.299 người. Huyện Ba Vì có 1 thị trấn là Tây Đằng và 30 xã. Địa hình của huyện có thể phân thành 03 tiểu vùng khác nhau là vùng núi, vùng đồi gò và vùng Đồng bằng sông Hồng. Do không có đủ điều kiện để khảo sát tất cả các nông hộ trong huyện, nên chúng tôi áp dụng phương pháp điều tra chọn mẫu để khảo sát 60 nông hộ điển hình cho các vùng của huyện. Để nghiên cứu chúng tôi chọn 3 xã đó là: xã Vật Lại, thị trấn Tây Đằng, xã Thái Hòa, mỗi xã 20 nông hộ, với các lý do sau:

- Xã Vật Lại là đại diện cho khu vực thuần

nông với hầu hết đồng ruộng là trũng và vùng đồi gò.

- Thị trấn Tây Đằng là nơi đại diện cho khu vực khá phát triển của huyện với hầu hết là vùng đồng bằng, với nhiều ngành nghề, dịch vụ.

- Xã Thái Hòa là xã đại diện cho khu vực sản xuất cây vụ đông hàng hoá phát triển của huyện đồng thời đây cũng là xã có diện tích đồn điền đồi thửa nhiều nhất, cùng với nhiều ngành nghề buôn bán dịch vụ phát triển.

2.2.2. Phương pháp thu thập số liệu

- Thông tin thứ cấp trong nghiên cứu này bao gồm các sách giáo trình, các luận văn thạc sỹ, luận án tiến sĩ, các công trình nghiên cứu khoa học, sách, báo, tạp chí, niên giám thống kê của các xã trên địa bàn huyện Ba Vì, các

văn bản về Nghị quyết của Đảng, của các phòng, ban, ngành của huyện Ba Vì. Các tài liệu này được thu thập, thống kê lại, tổng hợp và trích dẫn như trích dẫn tài liệu tham khảo.

- Thông tin sơ cấp: Phương pháp điều tra khảo sát kinh tế hộ gia đình: Quá trình điều tra khảo sát được tiến hành theo bảng hỏi được thiết kế sẵn. Chọn hộ từ các xã đại diện: Kết hợp với các cán bộ của thôn, xã, chúng tôi điều tra 60 nông hộ. Phương pháp chọn mẫu điều tra được chọn theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng theo các tiêu chí: Phân loại theo vùng (thị trấn Tây Đằng, xã Thái Hòa, xã Vật Lại), phân loại theo thu nhập (khá, trung bình, nghèo) và phân loại theo ngành nghề (nông nghiệp, nông nghiệp kiêm nghề tiểu thủ công nghiệp và nông nghiệp kiêm nghề buôn bán dịch vụ).

2.2.3. Phương pháp xử lý, phân tích

Nghiên cứu sử dụng phần mềm phân tích thống kê SPSS 23 cho việc phân tích thống kê mô tả, thống kê so sánh và cho việc xác định các nhân tố ảnh hưởng chủ yếu đến thu nhập hỗn hợp của nông hộ thông qua mô hình hồi qui tuyến tính đa biến. Kết quả của phân tích thống kê so sánh và của mô hình hồi qui tuyến tính đa biến là cơ sở để đề xuất một số giải

pháp nhằm nâng cao thu nhập hỗn hợp cho nông hộ trên địa bàn huyện Ba Vì, TP Hà Nội.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU, THẢO LUẬN

3.1. Đặc điểm của các nông hộ điều tra

3.1.1. Lao động

Bình quân mỗi hộ có 2,98 lao động chính, nhưng có sự chênh lệch đáng kể giữa nhóm hộ nghèo so với các nhóm hộ trung bình và khá (bảng 2). Trong đó, nhóm hộ nghèo có số lao động chính thấp nhất (2,10 lao động/hộ) và cao nhất là nhóm hộ khá (3,73 lao động/hộ). Hộ khá có nhân khẩu và lao động hợp lý, theo đó số nhân khẩu ăn theo trong hộ là thấp, tạo điều kiện thuận lợi trong việc bố trí công ăn việc làm cũng như giảm bớt gánh nặng chi tiêu và tăng khả năng tích lũy (bảng 2). Đa số chủ hộ là nam giới (chiếm trên 75% tổng số chủ hộ) và có trình độ học vấn không cao (trên 90% tổng số chủ hộ điều tra có trình độ học vấn ở mức tốt nghiệp tiểu học và trung học cơ sở). Đặc biệt, trong 60 nông hộ điều tra không có chủ hộ có trình độ từ trung cấp trở lên. Điều này cho thấy nguồn lực lao động của nông hộ còn hạn chế, nhất là trình độ của lao động. Nghề của chủ hộ chủ yếu là nông nghiệp chiếm 88,3%, còn lại 11,7% là hộ nông nghiệp kiêm nghề.

Bảng 2. Đặc điểm của nông hộ khảo sát theo các biến phân loại theo các biến số liên tục

TT	Chi tiêu	Hộ nghèo	Hộ TB	Hộ khá	Bình quân chung	Kiểm định F (Mức ý nghĩa thống kê)
1	Tuổi bình quân của chủ hộ	38,35 ^b	44,28 ^{ab}	46,50 ^a	43,12	3,31 ^{**}
3	Số nhân khẩu bình quân hộ	4,35 ^b	5,11 ^{ab}	5,50 ^a	5,00	3,75 ^{**}
4	Số người lao động chính bình quân	2,10 ^b	3,06 ^a	3,73 ^a	2,98	9,56 ^{***}
5	Số nhân khẩu/lao động chính	2,07 ^a	1,67 ^{ab}	1,47 ^b	1,68	5,78 ^{***}
6	Diện tích đất bình quân hộ (ha/hộ)	0,2226 ^b	0,2229 ^{ab}	0,2595 ^a	0,2362	2,65 [*]
7	Thu nhập hỗn hợp bình quân hộ (triệu VND/hộ)	29,20 ^c	49,50 ^b	77,56 ^a	53,02	50,84 ^{***}

Ghi chú:

- Chữ thường ở cột phân loại hộ thể hiện sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về về các chỉ tiêu so sánh kiểm định

- *** Mức ý nghĩa <0,01; ** Mức ý nghĩa <0,05; * Mức ý nghĩa <0,1

(Nguồn: Tính toán từ số liệu điều tra)

3.1.2. Đất đai

Bảng 2 cho thấy diện tích đất sử dụng bình quân của các nhóm hộ điều tra là 2.362 m²/hộ. Qui mô diện tích này được đánh giá ở mức tương đương so với mức bình quân chung của cả nước ở năm 2009 là 1560,4 m² (Xuân Thân, 2013). Qui mô diện tích đất có sự khác biệt lớn giữa nhóm hộ khá có tổng diện tích đất bình quân hộ lớn nhất (2.595 m²/hộ) so với nhóm hộ nghèo qui mô nhỏ nhất (chỉ có 2.226 m²/hộ).

3.1.3. Vốn

Quy mô vốn là điều kiện tiên quyết để nông hộ mở rộng quy mô sản xuất, khai thác tốt các nguồn lực như lao động và đất đai. Thông thường, nông hộ có lượng vốn thấp. Tuy nhiên, những hộ biết tận dụng các nguồn vốn bên ngoài sẽ nâng cao được mức vốn và có nhiều cơ hội phát triển sản xuất hơn. Số liệu ở bảng 3 cho thấy 100% hộ thuộc nhóm hộ nghèo vay ở mức thấp dưới 50 triệu VND; trong đó nhóm hộ khá có tỷ lệ các hộ vay ở mức cao trên 100

triệu đạt 72,7%. Điều đó cho thấy nhóm hộ khá đã chú trọng đến vay vốn đầu tư mở rộng qui mô sản xuất kinh doanh.

3.1.4. Áp dụng kỹ thuật vào sản xuất

Công nghệ kỹ thuật là nhân tố quan trọng góp phần nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm. Kết quả khảo sát ở bảng 3 cho thấy tỷ lệ số hộ khá và trung bình đã áp dụng kỹ thuật vào sản xuất đó là lý do tại sao thu nhập của các nhóm hộ có sự khác nhau một cách đáng kể.

3.1.5. Khoảng cách đến thị trường tiêu thụ

Kết quả của bảng 3 cho thấy khoảng cách đến thị trường tiêu thụ của nhóm hộ khá chủ yếu là cự ly so với thị trường tiêu thụ dưới 2 km trong khi đó nhóm hộ nghèo có tỷ lệ 80% số hộ có cự ly so với thị trường tiêu thụ trên 4 km. Gần thị trường tiêu thụ mang lại nhiều thuận lợi cho nhóm hộ khá về tiêu thụ sản phẩm, tiết kiệm chi phí vận chuyển...

Bảng 3. Đặc điểm của nông hộ khảo sát theo các biến phân loại

STT	Chỉ tiêu	Hộ nghèo		Hộ trung bình		Hộ khá		Tổng cộng	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
I	Giới tính của chủ hộ								
1	Nam	15	75,0	14	77,8	17	77,3	46	76,7
2	Nữ	5	25,0	4	22,2	5	22,7	14	23,3
II	Trình độ học vấn của chủ hộ								
1	Tiểu học	15	75,0	6	33,3	2	9,1	23	38,3
2	Trung học cơ sở	5	25,0	12	66,7	15	68,2	32	53,3
3	Trung học phổ thông	0	0,0	0	0,0	5	22,7	5	8,4
III	Nghề nghiệp của chủ hộ								
1	Nông nghiệp	20	100,0	16	88,9	17	77,3	53	88,3
2	Nông nghiệp kiêm nghề	0	0,0	2	11,1	5	22,7	7	11,7
IV	Qui mô vay vốn của hộ								
1	Dưới 50 triệu	20	100,0	8	44,4	0	0,0	28	46,7
2	Từ 50 đến 100 triệu	0	0,0	8	44,4	6	27,3	14	23,3
3	Trên 100 triệu	0	0,0	2	11,1	16	72,7	18	30,0
V	Áp dụng kỹ thuật vào SX								
1	Không	17	85,0	3	16,7	1	4,5	21	35,0
2	Có	3	15,0	15	83,3	21	95,5	39	65,0
IV	Khoảng cách đến thị trường tiêu thụ								
1	Dưới 2 km	2	10,0	6	33,3	16	72,7	24	40,0
2	Từ 2 đến 4 km	2	10,0	12	66,7	6	27,3	20	33,3
3	Trên 4 km	16	80,0	0	0,0	0	0,0	16	26,7
	Tổng cộng	20	33,3	18	30	22	36,7	60	100

(Nguồn: Tính toán từ số liệu điều tra 2015)

3.2. Thực trạng về thu nhập của các nông hộ điều tra

Tổng thu nhập hỗn hợp bình quân của các nhóm hộ là 53,02 triệu đồng/hộ/năm, trong đó thu nhập cao nhất là 77,56 triệu đồng thuộc nhóm hộ khá, thu nhập thấp nhất thuộc nhóm hộ nghèo là 29,20 triệu/hộ/năm. Thu nhập hỗn hợp bình quân hộ giữa 3 nhóm hộ có sự khác biệt một cách đáng kể với mức ý nghĩa thống kê 1% (bảng 2). Nếu tính bình quân nhân khẩu, thu nhập theo tháng ở mức 10,6 triệu đồng/khẩu/năm hay 0,88 triệu/khẩu/tháng. So sánh với số liệu điều tra của Tổng cục Thống kê năm 2012, mức thu nhập của nông hộ ở địa bàn nghiên cứu thấp hơn mức bình quân chung của cả nước (1,579 triệu đồng/khẩu/tháng).

3.3. Kết quả phân tích mô hình hồi qui đa biến

Nghiên cứu đã khảo sát bằng bảng hỏi với dung lượng mẫu (n = 60). Nghiên cứu đã sử dụng phần mềm SPSS 23 cho phân tích mô hình hồi qui tuyến tính đa biến để xác định các nhân tố chính ảnh hưởng đến thu nhập hỗn hợp của nông hộ trên địa bàn huyện Ba Vì, TP. Hà Nội.

Kết quả chạy tương quan hồi qui giữa các biến độc lập với biến phụ thuộc trong mô hình hồi qui cho thấy các biến trừ biến TUOI, GIOITINH có tương quan với $|r| \geq 0,3$. Các biến này được sử dụng để đưa vào mô hình hồi qui. Kết quả mô hình hồi qui được trình bày qua bảng 4.

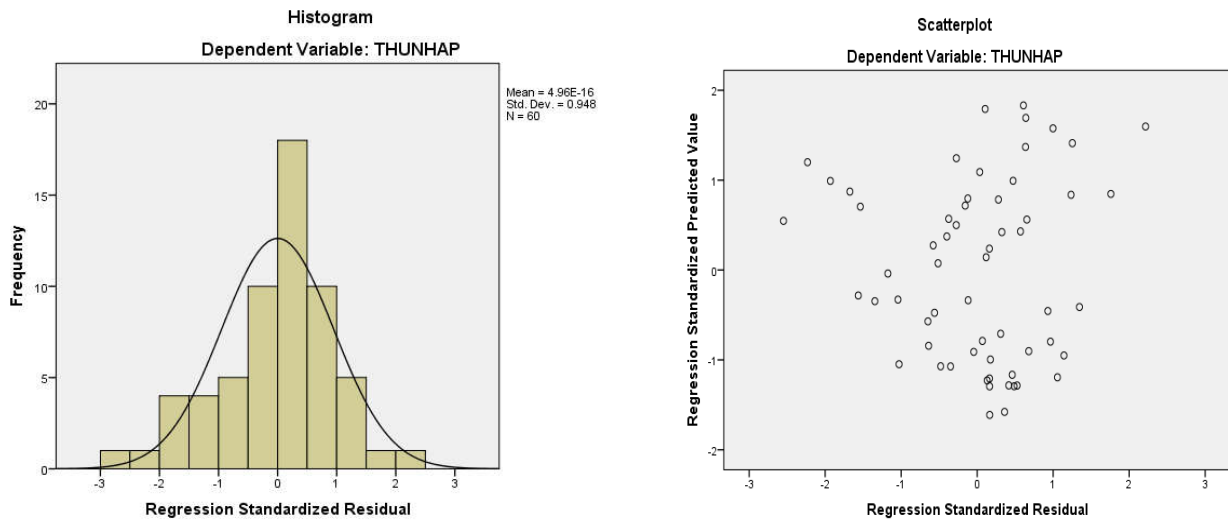
Trong bảng 4, với mức ý nghĩa Sig. của kiểm định $F < 0,01$, có thể kết luận rằng mô hình hồi qui luôn luôn tồn tại với mức độ tin cậy 99%.

Bảng 4. Tóm tắt mô hình hồi quy (Model Summary)

Biến độc lập	Hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa (B)	Giá trị t	Mức ý nghĩa thống kê (Sig.)	VIF	Hệ số hồi quy chuẩn hóa (Beta)	Giá trị tuyệt đối của Beta	Mức độ đóng góp của các biến (%)	Tầm quan trọng của các biến
(Constant)	-7,834	-,697	,489					
HOCVAN	7,536	1,786 ^{NS}	,080	2,050	,182	,182	12,84	4
NGHECHUHO	-13,055	-1,740 ^{NS}	,088	1,774	-,165	,165	11,64	5
DTDAT	,015	4,227 ^{**}	,000	1,339	,348	,348	24,56	2
VAYVON	12,361	4,220 ^{**}	,000	1,939	,418	,418	29,50	1
THITRUONG	-2,879	-,911 ^{NS}	,366	1,981	-,091	,091	6,42	6
KYTHUAT	11,356	2,233 [*]	,030	1,800	,213	,213	15,03	3
Tổng						1,417	100,0	
Biến số phụ thuộc: THUNHAP (triệu đồng/năm)								
Dung lượng mẫu quan sát			60					
F			24,072 ^{***}					
Hệ số R ²			0,732					
Hệ số R ² hiệu chỉnh			0,701					
Durbin Watson			2,322					
Chi chú: ** Mức ý nghĩa <0,01; * Mức ý nghĩa <0,05; NS: Không có ý nghĩa thống kê (Kiểm định 2 phía)								

Dựa trên kết quả phân tích từ bảng 4 ta thấy hệ số R^2 hiệu chỉnh đạt giá trị 0,701; điều này có nghĩa là 70,1% sự thay đổi về thu nhập hỗn hợp của nông hộ trên địa bàn nghiên cứu được giải thích bởi các biến độc lập trong mô hình, còn lại 29,9% được giải thích bởi các nhân tố khác mà chưa có điều kiện đưa vào mô hình. Như vậy có thể kết luận rằng mô hình đưa ra là phù hợp với dữ liệu thực tế.

Kết quả ở bảng 4 cho thấy hệ số phóng đại phương sai (VIF) đều nhỏ hơn 10, như vậy mô hình hồi qui không có hiện tượng đa cộng tuyến. Hệ số Durbin-Watson ($1 < d = 2,322 < 3$), như vậy mô hình hồi qui không có hiện tượng tự tương quan. Kết quả từ hình 1 cho thấy mô hình hồi quy không có hiện tượng phương sai của sai số thay đổi vì phân bố của phần dư thuộc phân phối chuẩn.



Hình 1. Kết quả kiểm định hiện tượng phương sai của sai số thay đổi

Cột mức ý nghĩa thống kê (cột Sig.) ở bảng 4 cho thấy tất cả các biến trừ biến VAYVON, DTDAT, KYTHUAT đều có mức ý nghĩa thống kê $< 0,05$. Như vậy, các nhân tố bao gồm: quy mô vốn vay, diện tích của nông hộ, và áp dụng kỹ thuật vào sản xuất có ảnh hưởng đáng kể đến thu nhập hỗn hợp của nông hộ trên địa bàn nghiên cứu với độ tin cậy 95%. Kết quả cũng cho thấy 3 nhân tố có ý nghĩa thống kê VAYVON, DTDAT, KYTHUAT đều có mối quan hệ cùng chiều với THUNHAP và đúng như kỳ vọng đầu đặt ra ban đầu. Dựa vào hệ số hồi qui đã được chuẩn hóa (bảng 4) ta thấy thứ tự tầm quan trọng của các biến như sau: (1) quy mô vốn vay, (2) diện tích của nông hộ, và (3) áp dụng kỹ thuật vào sản xuất.

3.4. Một số giải pháp góp phần nâng cao thu nhập cho nông hộ trên địa bàn huyện Ba Vì, TP. Hà Nội

3.4.1. Tạo vốn cho hộ nông dân

Vốn cho sản xuất là vấn đề được tất cả các ngành kinh tế quan tâm, nó là nhân tố quan trọng quyết định phương hướng và quy mô sản xuất của tất cả các ngành. Qua điều tra thực tế ta thấy, hầu hết các hộ sản xuất trong huyện đều thiếu vốn, mặc dù các hình thức cho nông hộ vay vốn ở địa phương khá phong phú.

Các mô hình cho kinh tế nông hộ tự do vay vốn phát triển sản xuất của Ngân hàng, mô hình tín dụng ưu đãi người nghèo, tín dụng thông qua hội Phụ nữ... ở Ba Vì đã hình thành. Tuy nhiên, không phải ai có nhu cầu vay vốn của Ngân hàng cũng được vay, bởi Nhà nước vẫn còn có quy định rất khắt khe, đặc biệt đối với hộ nghèo vì họ không đủ tiêu chuẩn về nhiều mặt nên rất nhiều hộ nghèo trong huyện đã phải đi vay vốn ở bên ngoài với lãi suất rất cao. Điều này không những ảnh hưởng đến khả

năng sản xuất mà nhiều khi nó còn gây ra mất đoàn kết cộng đồng.

Vì vậy, trong những năm tới, để đáp ứng nhu cầu về vốn cho bà con nông dân trong huyện phát triển sản xuất, chúng tôi mạnh dạn nêu ra một số biện pháp như sau:

- Các tổ chức tín dụng cần tìm hiểu cho đúng đối tượng cần vay vốn, nghĩa là đối tượng cho vay vốn của Ngân hàng phải là những hộ thực sự cần vốn cho phát triển SX-KD, sử dụng vốn đúng mục đích chứ không phải vay vốn để tiêu dùng, cần có biện pháp ưu đãi đối với những nông hộ nghèo.

- Việc dùng tài sản thế chấp cũng như các vật dụng thế chấp của Ngân hàng hiện nay đã hạn chế rất nhiều nhu cầu vốn của hộ, do đó trong những năm tới, các tổ chức tín dụng nên có biện pháp thay đổi cho phù hợp. Hiện nay Nhà nước ta đã có quy định các tổ chức kinh tế có thể thế chấp bằng tính khả thi của dự án, cho nên, Ngân hàng huyện nên áp dụng hình thức này để khuyến khích sản xuất, đồng thời cũng nên mở rộng hình thức tín dụng dài và trung hạn vì đây là nguồn vốn rất quan trọng đối với các dự án sản xuất kinh doanh dài.

- Nghiên cứu các biện pháp huy động nguồn vốn nhàn rỗi trong nông thôn để tăng cường vốn vay cho nông hộ cần vốn. Quy mô của ngân hàng nông nghiệp nông thôn cần mở rộng hơn, vì đây là loại hình Ngân hàng rất ưu ái của Nhà nước ta đối với nông nghiệp nông thôn. Đồng thời cũng cần có các chính sách mềm dẻo để ngân hàng cũng như các tổ chức tín dụng nông thôn hoạt động theo cơ chế thị trường, có như vậy mới tạo ra sự cạnh tranh lành mạnh và nguồn vốn sẽ được giải ngân nhiều hơn.

- Các cấp lãnh đạo cơ sở và địa phương nên thành lập các mô hình hợp tác xã tín dụng ở ngay mọi địa phương để huy động cũng như hỗ trợ vốn kịp thời cho những người cần vốn, hoặc phát triển các mô hình hợp tác xã tự nguyện để có điều kiện hỗ trợ nhau về vốn

cũng như kỹ thuật.

- Ngoài các tổ chức Ngân hàng, huyện cần phải xây dựng quỹ xoá đói giảm nghèo riêng để hỗ trợ nhiều mặt cho các nông hộ nghèo ở nông thôn. Hiện nay, số hộ nghèo vẫn còn tương đối nhiều ở nông thôn, đặc biệt là ở nông thôn vùng núi, vùng sâu. Vì vậy, việc xoá đói giảm nghèo là một vấn đề chiến lược ở nông thôn Ba Vì nói riêng và cả nước nói chung.

- Biện pháp cuối cùng là thường xuyên tư vấn sản xuất cho tất cả các nông hộ để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn vay. Tăng cường khuyến nông cơ sở cũng như tích cực chuyển giao khoa học kỹ thuật để khai thông suy nghĩ của người dân.

3.4.2. Giải quyết và điều chỉnh quan hệ ruộng đất

Ruộng đất là tư liệu sản xuất chủ yếu của nông hộ, nó đóng vai trò quan trọng quyết định quá trình phát triển sản xuất của nông hộ. Vì vậy, muốn phát triển kinh tế nông hộ cùng với giải pháp về vốn chúng ta cần có biện pháp về ruộng đất. Cụ thể:

- Phải đẩy nhanh quá trình "dồn điền đổi thửa" tiến tới ổn định ruộng đất. Do ruộng đất của huyện rất manh mún: Bình quân số thửa của các hộ điều tra là từ 8 - 10 thửa cho nên vấn đề dồn điền đổi thửa là rất cần thiết. Với những ô thửa lớn, người dân có thể dễ dàng đầu tư thâm canh cũng như áp dụng các tiến bộ kỹ thuật trên mảnh đất đó, nhưng hiện tại do tư tưởng (có tốt, có xấu, có đất lúa, có đất màu) trong nông dân cho nên ruộng đất của họ vẫn còn manh mún, nhiều thửa. Để làm được điều này, các cấp lãnh đạo mà trực tiếp là lãnh đạo cấp xã cần nghiên cứu đưa ra những biện pháp hợp lý.

Hình thức chuyển đổi này có thể áp dụng dần dần, ở từng địa phương, sau đó cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâu dài cho người dân. Có như vậy thì người dân mới yên tâm sản xuất và mô hình kinh tế hàng hoá mới

hình thành và phát triển được.

- Khuyến khích và tạo điều kiện cho các hộ có khả năng tham gia đấu thầu như nhau, cả đất dự trữ và đất mặt nước đã và chưa sử dụng, để một mặt phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho nông hộ, mặt khác đưa đất đai của huyện vào sử dụng đầy đủ, hợp lý. Tuy nhiên, hình thức đấu thầu cũng nên lâu dài và có thể tái thầu nếu như hết thời hạn nông hộ vẫn có nguyện vọng sử dụng. Làm được như vậy, các nông hộ mới thực sự yên tâm và mạnh dạn đầu tư cho sản xuất.

3.4.3. Tăng cường công tác khuyến nông và tập huấn kỹ thuật cho hộ nông dân

Khuyến nông là công việc dạy học, huấn luyện, bồi dưỡng, đào tạo cho nông dân biết cách sản xuất, cách tiến hành công việc và cả cách nghĩ trong việc lựa chọn mô hình sản xuất. Mặc dù trong những năm gần đây phòng Nông nghiệp huyện Ba Vì đã rất nỗ lực trong công tác khuyến nông, song do cán bộ khuyến nông cơ sở còn non kém nên tác dụng của công tác khuyến nông đối với người dân trong huyện chưa cao. Qua điều tra thực tế chúng tôi thấy, đa số các hộ nghèo và phần đông các hộ trung bình kiến thức về khoa học kỹ thuật sản xuất nông nghiệp, kinh nghiệm sản xuất, kỹ thuật thâm canh cây trồng cũng như vật nuôi còn thấp. Vì vậy, để thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp hơn nữa, công tác khuyến nông đến từng nhóm hộ là rất cần thiết. Để đẩy mạnh công tác khuyến nông, huyện Ba Vì cần tiến hành các biện pháp như sau:

- Kiện toàn và xây dựng hệ thống khuyến nông từ huyện cho đến xã và đến hộ nông dân.

- Đối với nhóm hộ khá: Khuyến nông nên hướng họ phát triển sản xuất hàng hoá, sản xuất những ngành nghề, những cây, con đòi hỏi đầu tư lớn, kỹ thuật phức tạp, đặc biệt là sản xuất gắn liền với chế biến. Các cây, con mà nhóm hộ này nên phát triển theo hướng sản xuất hàng hoá là: lúa tẻ thơm, các cây vụ đông hàng hoá như khoai tây, dưa xuất khẩu... bò

sữa, cá chim trắng.

- Đối với những hộ trung bình: Đối với nhóm hộ này là khuyến nông nên xu hướng cho họ vào những giống, cây trồng, vật nuôi mới để phục vụ cho sản xuất hàng hóa chứ không phải tiêu dùng, tư vấn cho họ về các mô hình ngành nghề - dịch vụ, các công thức luân canh mới hướng họ vươn lên thành những hộ có tiềm lực.

- Đối với hộ nghèo: Đây là đối tượng mà khuyến nông cần phải quan tâm và tạo điều kiện hơn cả. Do các hộ này hạn chế về rất nhiều mặt, cho nên khuyến nông đối với họ là: Phổ biến và tuyên truyền những giống cây, con có những đặc tính tốt, dễ thích nghi, yêu cầu đầu tư cũng như kỹ thuật không cao, để họ từng bước đi lên.

IV. KẾT LUẬN

Việc nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập hỗn hợp của của các nông hộ trên địa bàn huyện Ba Vì, TP. Hà Nội là rất cấp thiết nhằm xác định được các nhân tố ảnh hưởng đáng kể và đề xuất các giải pháp góp phần nâng cao thu nhập cho nông hộ trên địa bàn nghiên cứu. Để đạt mục tiêu nghiên cứu trên, đề tài nghiên cứu đã khảo sát bằng bảng hỏi cho 60 nông hộ trên địa bàn nghiên cứu và đã sử dụng các mô hình hồi qui đa biến cho việc xác định được các nhân tố ảnh hưởng chủ yếu thu nhập hỗn hợp của nông hộ, bao gồm: (1) Qui mô vốn vay, 2) Diện tích đất của nông hộ, (3) Áp dụng kỹ thuật vào sản xuất. Trên cơ sở các nhân tố ảnh hưởng, một số giải pháp cũng đã được đề xuất nhằm nâng cao thu nhập của nông hộ trên địa bàn nghiên cứu theo thứ tự ưu tiên của các giải pháp dựa theo ảnh hưởng của các nhân tố.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Lan Duyên (2014). Các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ ở An Giang. *Tạp chí Khoa học trường Đại học An Giang*, (2), 63-69.

2. Chu Thị Kim Loan, Nguyễn Văn Hương (2015). Ảnh hưởng của nguồn lực đến thu nhập của nông hộ tỉnh Thanh Hóa: nghiên cứu điển hình ở huyện Thọ Xuân và

Hà Trung. *Tạp chí Khoa học và Phát triển*, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 13(6): 1051-1060.

3. Abdulai, A. & CroleRees, A. (2001). Determinants of Income Diversification amongst Rural Households in Southern Mali. *Food Policy* 26, 437–452.

4. Demurger, S., Fournier, M. & Yang, W. (2010). Rural Households' Decisions towards Income Diversification: Evidence from a Township in Northern China. *China Economic Review* 457, 1–13.

5. Janvry, A.D. & Sadoulet, E. (2001). Income Strategies Among Rural Households in Mexico: The Role

of Off-farm Activities. *World Development* 29(3), 467-480.

6. Klasen, S., Priebe, J. & Rudolf, R. (2013). Cash Crop Choice and Income Dynamics in Rural Areas: Evidence for Post-crisis Indonesia. *Agricultural Economics* 44, 349–364.

7. Yang, D. (2004). Education and Allocative Efficiency: Household Income Growth during Rural Reforms in China. *Journal of Development Economics* 74, 137–162.

8. Yu, J., & Zhu, G. (2013). How Uncertain Is Household Income in China. *Economics Letters* 120, 74–78.

FACTORS INFLUENCING INCOME OF PEASANT HOUSEHOLDS IN BAVI DISTRICT, HANOI CITY

Le Dinh Hai

Vietnam National University of Forestry – Southern Campus

SUMMARY

The study of significant factors influencing mixed income of peasant households in Ba Vi district, Hanoi city is very urgent because it can be the basis to propose solutions to improve income for peasant households in the study area. In order to achieve study objectives, in this study, we conducted the surveys of 60 peasant households living in Ba Vi district, Hanoi city. Results of multiple regression model indicated that three factors including: (1) level of loans, (2) total land area, (3) technical application in production, significantly influenced mixed income of peasant households in the study area. The findings of this study, therefore, provide implications for solution development, with the aims of improving mixed income of peasant households in Ba Vi district, Hanoi city, including: (1) provide capital for peasant households, (2) solve and justify land relations, (3) strengthen agricultural extension activities and technical training for peasant households.

Keywords: Influential factors, mixed income, multiple linear regression, peasant household.

Ngày nhận bài : 07/7/2017

Ngày phản biện : 13/7/2017

Ngày quyết định đăng : 24/7/2017